

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Kèm quyết định số: /QĐ-CĐCNTT, ngày .....tháng.....năm ..... của Hiệu trưởng

Trường Cao Đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM)

**Tên môn học: Tiếng Anh 2**

**Mã môn học: MH510002**

**Thời gian thực hiện môn học:** 60 giờ; (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

**Hình thức thi:** Tự luận, trắc nghiệm

**Thời gian thi:** 90 phút

**Điều kiện dự thi kết thúc môn học:**

- Sinh viên phải đạt đủ từ 80% số thời gian đến lớp thì mới được xét dự thi;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10;

**I. Vị trí tính chất của môn học:**

**1. Vị trí:**

Môn học Tiếng Anh 2 là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

**2. Tính chất:**

Chương trình môn học Tiếng Anh 2 sơ cấp cũng cố kiến thức về mặt ngữ pháp, từ vựng, luyện nghe, luyện nói thông qua các bài đọc, hội thoại ...

Học viên thực tập kỹ năng ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng đọc hiểu thông qua các bài tập ngữ pháp và các bài đọc ;

Học viên thực tập kỹ năng nghe thông qua các bài nghe;

Học viên thực tập kỹ nói thông qua các bài tập nhóm, bắt cặp hỏi đáp và trình bày nhóm;

Học viên thực tập kỹ năng viết các câu đơn giản và các đoạn văn ngắn, trả lời email thông qua các bài viết mẫu và các thành ngữ được học.

**3. Điều kiện tham gia học tập môn học:**

Điểm trung bình môn học Tiếng Anh 1 đạt  $\geq 4$  ( điểm D)

**II. Mục tiêu – chuẩn đầu ra môn học:**

**1. Mục tiêu môn học:**

Sau khi học xong chương trình Tiếng Anh 2, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng câu hỏi, câu đề nghị, so sánh hơn, so sánh nhất, biết về câu trúc ngữ pháp và

cách dùng thì hiện tại tiếp diễn. Phân loại được chủ từ, danh từ, đại từ, tính từ và chia thì trong câu, nhận biết cách dùng các thì đối với câu có danh từ số ít và số nhiều, danh từ đếm được và không đếm được.

Phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc theo chủ đề bài học như: du lịch về môi trường hoang dã, máy vi tính (thế giới kỹ thuật số), các hoạt động thể thao vui chơi bên ngoài và thói quen hằng ngày và ngôi nhà thân yêu của mình.

## 2. Chuẩn đầu ra môn học:

Chuẩn đầu ra	Tương ứng với chuẩn đầu ra của CTĐT
<p><b>Kiến thức:</b></p> <p><b>CLO1:</b></p> <p>Học được các từ vựng phong phú và đa dạng về nhận biết cuộc sống, xã hội dùng cho tuổi trưởng thành</p> <p>Học được cách chia động từ trong thì quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và thì tương lai ở thể khẳng định và nghi vấn</p> <p>Học được các thành ngữ thường dùng</p> <p><b>CLO2:</b></p> <p>Đọc hiểu và phát âm chuẩn các bài đọc</p> <p>Nghe, hiểu (dịch được) và đọc lại được các câu trong trong đoạn văn</p> <p><b>CLO3:</b></p> <p>Đặt được câu hỏi và trả lời câu hỏi dùng các từ ngữ và cấu trúc văn phạm đã học được: quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và thì tương lai</p> <p>Viết được đoạn văn dài từ 100- 150 từ</p> <p>Đọc hiểu và trả lời được email về nội dung bài học như: chuyến du lịch về nơi hoang dã, thói quen luyện tập và vui chơi hằng ngày, thế giới kỹ thuật số và về ngôi nhà thân yêu</p>	<p><b>PLO1, PLO2, PLO3</b></p>
<p><b>Kỹ năng:</b></p> <p><b>CLO4:</b></p> <p><i>Kỹ năng nghe:</i> Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan với thế giới bên ngoài về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động vật hoang dã</li> <li>- Máy vi tính/ thế giới số</li> <li>- Thể thao và thói quen</li> </ul>	<p><b>PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8</b></p>

<p>- Nhà của tôi</p> <p><b>CLO5:</b></p> <p><i>Kỹ năng nói:</i> Nói được, diễn tả được một vấn đề, một sự kiện diễn ra trong quá khứ. Trình bày được câu hiện tại hoàn thành và tiếp diễn ở thể khẳng định và nghi vấn về các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động vật hoang dã</li> <li>- Máy vi tính/ thể giới số</li> <li>- Thể thao và thói quen</li> <li>- Nhà của tôi</li> </ul> <p><b>CLO6:</b></p> <p><i>Kỹ năng đọc:</i> Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề bên ngoài cuộc sống hằng ngày như: về nơi hoang dã, máy vi tính, thể thao và thói quen, ngôi nhà của mình</p> <p><b>CLO7</b></p> <p><i>Kỹ năng viết:</i></p> <p>Viết được email, viết được bài văn tường thuật về các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tường thuật lại một sự kiện, một chuyến picnic, du lịch về nơi hoang dã</li> <li>- Trình bày các vấn đề máy vi tính /thế giới số</li> <li>- Thể thao hằng ngày/hàng tuần và thói quen của bạn</li> <li>- Ngôi nhà của tôi</li> </ul>	
<p><b>CLO8: Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b></p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;</p> <p>- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.</p>	<p><b>PLO9, PLO10</b></p>

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				Ứng với chuẩn đầu ra
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo	Kiểm tra	

				luận, bài tập		
1	Bài mở đầu Ôn tập từ vựng và ngữ pháp chương trình Tiếng Anh 1 (Consolidation Vocabulary and grammar)	6	3	3		CLO1-CL08
2	Bài 1: Khám phá (Going wild)	9	3	6		CLO1-CL08
3	Bài 2: Công nghệ (Digital world)	9	3	6		CLO1-CL08
4	Ôn tập và kiểm tra Unit 1-2 (Consolidation and test) Luyện nghe bài 1 và 2 (Listening unit 1-2)	9	3	3	3	CLO1-CL08
5	Bài 3: Hoạt động hằng ngày (Be Active)	9	3	6		CLO1-CL08
6	Bài 4: Ngôi nhà thân yêu (Home sweet home)	9	3	6		CLO1-CL08
7	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation and test) Luyện nghe bài 3 và 4 (Listening unit 3-4)	6	2	4		CLO1-CL08
8	Nhắc lại bài học (Review Unit 1-4) Ôn tập và kiểm tra (Consolidation and test)	3	1	2		CLO1-CL08
	<b>Cộng</b>	<b>60</b>	<b>21</b>	<b>36</b>	<b>3</b>	

## 2. Nội dung chi tiết:

### Unit 1: GOING WILD

Thời gian 09 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, danh từ và tính từ mô tả nơi chốn, cảm xúc;
- Sử dụng được các động từ khiếm khuyết can, be trong thể khẳng định, phủ định và và nghi vấn
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ, chuyến du lịch đã ngoại về nơi hoang dã ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ khám phá nơi hoang dã;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết được đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ đến nơi hoang dã vừa qua của mình.

## 2. Nội dung chương:

### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ nơi hoang dã;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ ở nơi hoang dã;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc và động từ bất quy tắc .

### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

### 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ ở nơi hoang dã như thế nào ? ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

### 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi; my first trip to Ho Chi Minh
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

### 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 80 từ).

## Unit 2: DIGITAL WORLD

Thời gian 09 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn, thể khẳng định và phủ định. Từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách và tính từ, động từ liên quan đến công nghệ trên thế giới ngày nay
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày; về công nghệ, máy tính
- Nói về các hoạt động hàng ngày; công nghệ; máy tính
- Đọc hiểu bài đọc về ứng dụng cuộc sống công nghệ ngày nay trong các lĩnh vực;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

### 2. Nội dung chương:

## 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày liên quan đến ứng dụng công nghệ trong cuộc sống;

2.1.2. Danh từ chỉ các sản phẩm công nghệ ngày nay.

## 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

## 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động áp dụng công nghệ, kỹ thuật diễn ra hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

## 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động công nghệ hàng ngày, xung quanh và trên thế giới;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

## 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Dancing Man;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

## 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 80 từ).

### Unit 3: BE ACTIVE

Thời gian 09 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: play, go và do;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

##### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.2.4. Thì tương lai với going to /will

##### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích, thói quen và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

##### 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. *Kỹ năng đọc (Reading)*

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. *Kỹ năng viết (Writing)* Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

#### **Unit 4: HOME SWEET HOME**

Thời gian 09 giờ

##### **1. Mục tiêu:**

- Nhận biết và đặt ví dụ với động từ Can/Could. Cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống, đồ dùng trong gia đình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống, đồ dùng trong gia đình;
- Biết sử dụng câu hỏi về số lượng;
- Biết sử dụng cấu trúc câu với do, make, have, take, bring
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn, đồ dùng, trong gia đình, môi trường xung quanh;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm ở nhà và ngoài trời hằng ngày.

##### **2. Nội dung chương:**

2.1. *Từ vựng (Vocabulary)*

2.1.1 Các về đồ dùng trong nhà.

2.1.2 Các động từ, tính từ về hoạt động vui chơi ngoài trời

2.2. *Ngữ pháp (Grammar)*

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành thể khẳng định ;

2.2.2. Thì hiện tại hoàn thành thể phủ định ;

2.2.3. Cấu trúc Can/Could;

2.2.4. Cấu trúc câu với do, make, have, take, bring

2.2.5. Cấu trúc của câu so sánh

2.3. *Kỹ năng nghe (Listening)*

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các vật dụng trong nhà; môi trường xung quanh, chỗ ở, cuộc sống bên ngoài

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. *Kỹ năng nói (Speaking)*

2.4.1. Nhìn hình (tranh) diễn tả lại hành động;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với Can hoặc Could; do, make, have, take, bring

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. *Kỹ năng đọc (Reading)*

2.5.1. Bài đọc: In the middle of nowhere;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. *Kỹ năng viết (Writing)*

Viết đoạn văn ngắn nêu những nổi bật về khu vực, địa phương, thành phố bạn đang sinh sống (tối thiểu 80 từ).

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

##### *1. Phòng học*

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

##### *2. Trang thiết bị máy móc*

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

##### *3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

##### *4. Các điều kiện khác*

Học trực tiếp hoặc trực tuyến

#### **V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**

##### **1. Nội dung**

1.1. Kiến thức: Đánh giá thông qua các bài kiểm tra tự luận và trắc nghiệm, sinh viên cần đạt những yêu cầu sau:

- Nắm được căn bản các kiến thức đã học
- Vận dụng được các kỹ năng nghe, nói trong đời sống hằng ngày

1.2. Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của người học thông qua việc thực hành các bài tập, thảo luận...

1.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Chuyên cần, say mê môn học
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học



## **2. Phương pháp đánh giá**

2.1 Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ có trọng số 40% được tính như sau (thang điểm 10) gồm 04 cột điểm như sau:

- Điểm chuyên cần: (hệ số 1)
- Kiểm tra thường xuyên: Speaking (hệ số 1)
- Kiểm tra thường xuyên: Listening (hệ số 1)
- Kiểm tra định kỳ (giữa kỳ) : Test Vocabulary + Grammar (hệ số 2)

2.2 Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 60% (thang điểm 10)

Hình thức thi: Tự luận, trắc nghiệm

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học:**

Áp dụng cho sinh viên thuộc hệ Cao Đẳng

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên:

Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 60 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 90 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

- Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học:

*Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh*

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

*Bảo lưu, công nhận kết quả học tập*

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

#### **4. Tài liệu tham khảo:**

1. Bài giảng môn Tiếng anh 2 \_Đặng Võ Minh Kha\_ Trường Cao Đẳng Công Nghệ Thông Tin Tp.HCM\_2023;
2. Tim Falla and Paul A, Davies, Solutions Elementary (03<sup>nd</sup> edition), Oxford University Press, 2012; 2018;
3. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013;
4. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More 1, Cambridge University Press, 2008;

Ngày tháng năm

**Trưởng bộ môn**

**Giám đốc**

**GV biên soạn**

**Nguyễn Thị Hồng Phước**

**Đặng Võ Minh Kha**